

Bản án số: 59/2017/DS-PT

Ngày: 31- 5 - 2017

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Thiện

*Các thẩm phán:* Ông Trương Văn Tâm

Ông Trịnh Hoàng Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:** Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” về vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐPT- DS ngày 24 tháng 4 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐ-HPT ngày 05 tháng 5 năm 2017; Quyết định Thay đổi người tiến hành tố tụng số 33/2017/QĐ-TĐTT ngày 29 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Dương Thùy V, sinh năm 1980, trú tại: Số 67C đường L, phường R, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1968, trú tại: Số 2/1A1 ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Hồ Thị T, sinh năm 1965, trú tại: Số 2/16A ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

(Các đương sự có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Dương Thùy V trình bày:**

Ngày 11 tháng 12 năm 2015 Bà và bà Lê Thị L có giao kết “Hợp đồng vay tiền” với nội dung: Bà cho bà L vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2016 là 12.000.000đ, đồng thời bà L tiếp tục chịu lãi suất 01%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

*- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị L trình bày:*

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Bà có đứng ra vay tiền dùm cho bà Hồ Thị T của bà Dương Thùy V số tiền 120.000.000đ, lãi suất 6.000.000đ/tháng. Khi vay tiền Bà đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSD đất) do Bà đứng tên, nhưng bà V yêu cầu phải lập hợp đồng chuyển nhượng đất thì mới cho vay. Trong quá trình trả nợ, bà T đã trả lãi được 07 tháng cho bà V. Do bà T có hoàn cảnh khó khăn nên bà V hạ lãi suất xuống còn 3.600.000đ/tháng và bà T đã trả lãi được khoảng 01 năm thì ngừng. Tính đến năm 2016, bà T đã trả cho bà V số tiền nợ gốc là 80.000.000đ và còn nợ lại 40.000.000đ. Do bà T không trả tiền gốc và tiền lãi nữa nên ngày 11/12/2015 bà V yêu cầu viết giấy nợ là 150.000.000đ và ký nhận nợ thì bà V mới trả GCNQSD đất cho Bà để Bà thế chấp và vay tiền trả cho bà V. Cùng ngày 11/12/2015, Bà đã vay của bà Hoàng Thị H 80.000.000đ để trả cho bà V. Cũng trong ngày hôm đó, bà và bà V đã thỏa thuận hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/01/2014 đảm bảo cho khoản vay 120.000.000đ. Nay Bà khẳng định là chỉ còn nợ bà V số tiền gốc 40.000.000đ và yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số tiền này cho bà V. Đề nghị bà V không tính lãi của số tiền này.

*- Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị T trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của bà L, bà đồng ý trả cho bà V số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000đ, đề nghị bà V không tính lãi.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thùy V đối với bà Lê Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà V số tiền gốc là 150.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 16 tháng 12 năm 2016 là 18.000.000đ. Tổng cộng là 168.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 21 tháng 12 năm 2016, bị đơn bà Lê Thị L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử:*

Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo hướng là bà không phải trả cho bà V số tiền gốc 150.000.000đ và số tiền lãi 18.000.000đ. Đề nghị bà Hồ Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc 40.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện;
- Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên bị đơn xin Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát xem xét giảm cho một phần án phí sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về kháng cáo của đương sự: Xét thấy, bị đơn kháng cáo cho rằng mình đã vay tiền hộ cho bà T và bà T có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000đ, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc này, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Về yêu cầu xem xét giảm một phần án phí sơ thẩm cho bị đơn. Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày về hoàn cảnh khó khăn dẫn đến không có khả năng trả nợ, điều này thể hiện qua sự xác nhận của chính quyền địa phương. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và giảm cho bị đơn  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền về phần nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng của vụ án:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật và còn trong thời hạn nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà Dương Thùy V tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản với bà Lê Thị L và bà L có nơi cư trú tại ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân

dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

Nhận thấy, ngày 11/12/2015 bà V có cho bà L vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do bà L không thực hiện thỏa thuận nên bà V đã khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền gốc 150.000.000đ và lãi suất tính đến ngày 11/8/2016 là 12.000.000đ, đồng thời tiếp tục trả lãi suất 01%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Như vậy, việc bà V cho bà L vay số tiền 150.000.000đ là có thật, điều này được thể hiện qua Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 11/12/2015 nêu trên; “Giấy giao nhận tiền” ngày 11/12/2015 và sự thừa nhận của bà L có ký vào giấy nhận số tiền 150.000.000đ. Nội dung hợp đồng vay tiền không trái pháp luật cả về lãi suất và thời hạn vay 06 tháng, nên được xem là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Tuy nhiên, trong hợp đồng các đương sự không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, nên căn cứ vào mức lãi suất quy định tại thời điểm giải quyết tranh chấp thì việc bà V yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là không trái với quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà V, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 11/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2016 là 18.000.000đ.

Việc bà L và bà T cho rằng, bà L không có vay tiền của bà V mà bà chỉ ký tên vào hợp đồng để vay dùm cho bà T từ bà V với số tiền 120.000.000đ, lãi suất 6.000.000đ/tháng. Do không có khả năng trả nợ nên sau đó bà V đã hạ lãi suất xuống còn 3.600.000đ/tháng. Khi vay tiền bà L có thể chấp cho bà V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) do bà đứng tên. Tính đến năm 2016 bà T đã trả cho bà V số tiền gốc là 80.000.000đ nên còn nợ 40.000.000đ. Do bà T không có tiền trả nợ nên bà V viết giấy nợ 150.000.000đ yêu cầu bà L ký tên mới trả sổ đỏ. Do cần lấy sổ đỏ về nên bà L đã ký tên nợ bà V số tiền 150.000.000đ và bà V đã trả sổ đỏ cho bà L. Nay bà L không đồng ý trả nợ cho bà V mà yêu cầu bà T trả nợ cho bà V số tiền gốc còn lại là 40.000.000đ. Bà T đồng ý trả nợ cho bà V số tiền 40.000.000đ và yêu cầu không trả lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà V không đồng ý theo yêu cầu của bà L và bà T.

Xét thấy, lời trình bày của bà L và bà T không được bà V thừa nhận. Bà L và bà T không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà L mượn tiền dùm cho bà T và việc bà T đã trả lãi và trả nợ gốc cho bà V. Tài liệu, chứng cứ bà L cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện bà L vay số tiền 80.000.000đ của bà Hoàng Thị H vào ngày 11/12/2015, không có liên quan đến bà V. Đồng thời, tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/01/2014 (Trước ngày vay tiền gần 02 năm) thể hiện bà L chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 100,4m<sup>2</sup> xã A, huyện Long Điền cho bà V. Đến ngày 11/12/2015 (Ngày vay tiền) bà L và bà V thống nhất lập Văn bản hủy bỏ HĐCNQSD đất nêu trên tại văn phòng

công chứng. Các văn bản này cũng không thể hiện việc bà L vay tiền dùm cho bà T và bà T đã trả nợ gốc cho bà V số tiền là 80.000.000đ. Do đó, việc bà L yêu cầu bà T trả nợ cho bà V cũng như việc bà T đồng ý trả nợ cho bà V thay cho bà L số tiền gốc 40.000.000đ và yêu cầu không trả lãi là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì không thể hiện mối quan hệ bảo lãnh, thế chấp giữa bà L, bà T và bà V trong vụ án này, nên nếu có phát sinh tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa bà L và bà T hoặc giữa bà L và bà H thì các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bị đơn về số tiền phải trả, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ và đúng quy định. Tuy nhiên, nội dung đơn kháng cáo là kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà T yêu cầu xem xét giảm một phần án phí sơ thẩm cho bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L đã trình bày về hoàn cảnh khó khăn dẫn đến không có khả năng trả nợ là có thật, điều này thể hiện qua sự xác nhận của chính quyền địa phương. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giảm cho bị đơn  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp theo quy định của pháp luật; cụ thể:

8.400.000đồng (Số tiền phải nộp theo quy định) : 2 (số tiền được giảm) là 4.200.000đồng (số tiền phải nộp sau khi được giảm 1/2).

Như vậy, ý kiến của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, cần được chấp nhận và sửa án sơ thẩm về phần án phí mà cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 14 và 15 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thùy V đối với bà Lê Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” về vay tài sản.

2. Bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Dương Thùy V số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 16 tháng 12 năm 2016 là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Tổng cộng 168.000.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015/số tiền phải trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

Bà Dương Thùy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí 4.050.000đ theo biên lai số 0000135 ngày 06/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 200.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001523 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/5/2017).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND tỉnh BR-VT.
- TAND huyện Long Điền
- THA huyện Long Điền.
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đoàn Ngọc Thiện**